

SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG
LIÊN TRƯỜNG THPT

(Đề có 04 trang)

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT
NĂM HỌC 2022 – 2023

Bài thi: Khoa học xã hội

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài : 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 210

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Bình?

- A. Đồng Hới. B. Tam Kỳ. C. Vinh. D. Đông Hà.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp cả Lào và Campuchia?

- A. Đắk Nông B. Kon Tum. C. Đắk Lắk. D. Gia Lai.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

- A. Điện Biên Phủ. B. Hà Nội. C. Sa Pa. D. Lạng Sơn.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết núi nào cao nhất trong số các núi sau đây?

- A. Rào Cỏ. B. Pu Si Lung. C. Pu Xei Lai Leng. D. Phu Hoạt.

Câu 45: Biện pháp chủ yếu nhằm bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. lập vườn quốc gia. B. phát triển thủy lợi.
C. cấm khai thác rừng. D. đẩy mạnh trồng rừng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình nhỏ nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào tháng nào sau đây?

- A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 47: Ở nước ta, địa hình bán bình nguyên có nhiều ở

- A. Tây Bắc. B. Trường Sơn Nam. C. Trường Sơn Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có mưa nhiều nhất vào thu - đông?

- A. Thanh Hóa. B. Lạng Sơn. C. Đà Nẵng. D. Cần Thơ.

Câu 49: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. bón phân thích hợp. B. tiến hành tăng vụ.
C. làm ruộng bậc thang. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây thuộc nhóm đất phù sa?

- A. Đất đỏ badan. B. Đất feralit trên đá phiến. C. Đất nâu đỏ đá vôi. D. Đất cát.

Câu 51: Nước ta nằm ở

- A. bán cầu Tây. B. vùng xích đạo. C. vùng nhiệt đới. D. bán cầu Nam.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có quặng crôm?

- A. Lũng Cú. B. Cổ Định. C. Quý Châu. D. Tĩnh Túc.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất ở vùng Tây Nguyên?

- A. Kon Tum. B. Đà Lạt. C. Pleiku. D. Buôn Ma Thuột.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Hồng đổ ra biển ở cửa sông nào sau đây?

- A. Văn Úc. B. Ba Lạt. C. Thái Bình. D. Cấm.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có số dân trên một triệu người?

- A. Vĩnh Long. B. Hải Phòng. C. Tuy Hòa. D. Việt Trì.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia Ba Bể nằm ở phân khu

địa lí động vật nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đông Bắc. C. Tây Bắc. D. Trung Trung Bộ.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500 001 - 100 0000 người?

- A. Quảng Ngãi. B. Thái Nguyên. C. Hải Phòng. D. Biên Hòa.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía nam?

- A. Trung và Nam Bắc Bộ. B. Nam Trung Bộ.
C. Tây Bắc Bộ. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

- A. Trường Sơn Bắc. B. Con Voi. C. Hoàng Liên Sơn. D. Trường Sơn Nam.

Câu 60: Sinh vật biển Đông tiêu biểu cho hệ sinh vật vùng biển

- A. nhiệt đới. B. xích đạo. C. cận nhiệt đới. D. ôn đới.

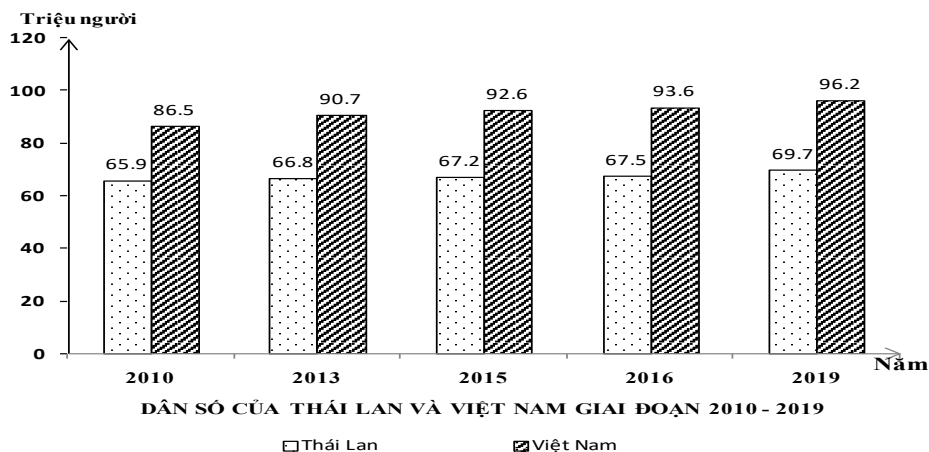
Câu 61: Mùa bão ở nước ta chậm dần từ Bắc vào Nam là do

- A. sự di chuyển của dải hội tụ nhiệt đới. B. nhiệt độ tăng dần từ Bắc vào Nam.
C. sự di chuyển tâm bão từ Bắc vào Nam. D. hoạt động của dòng biển theo mùa.

Câu 62: Nước ta có nền nhiệt cao chủ yếu do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp. B. vị trí địa lí nội chí tuyến.
C. chịu tác động của gió Tín phong. D. nằm liền kề với biển Đông.

Câu 63: Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Tổng cục thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh dân số của Thái Lan và Việt Nam giai đoạn 2010 đến 2019?

- A. Dân số Việt Nam tăng nhanh, dân số Thái Lan giảm.
B. Dân số Việt Nam tăng chậm hơn dân số Thái Lan.
C. Việt Nam có quy mô dân số lớn hơn Thái Lan.
D. Thái Lan có quy mô dân số lớn hơn Việt Nam.

Câu 64: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. B. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.
C. tổng bức xạ trong năm lớn. D. nền nhiệt độ cả nước cao.

Câu 65: Ý nghĩa quan trọng về văn hóa - xã hội của vị trí địa lí nước ta là

- A. tạo điều kiện để chung sống hòa bình với các nước trong khu vực.
B. tạo điều kiện thu hút vốn và kỹ thuật đầu tư nước ngoài.
C. tạo cầu nối phát triển kinh tế giữa các nước trong khu vực.
D. phát triển giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không.

Câu 66: Lao động nông thôn nước ta hiện nay

- A. có số lượng lớn hơn khu vực đô thị. B. chỉ hoạt động trong ngành trồng trọt.

- C. hầu hết đã qua đào tạo nghề nghiệp. D. phần nhiều đạt mức thu nhập rất cao.

Câu 67: Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. trình độ đô thị hóa còn rất thấp. B. số đô thị giống nhau ở các vùng.
C. tỉ lệ dân thành thị không thay đổi. D. số dân ở đô thị nhỏ hơn nông thôn.

Câu 68: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A. nhiệt độ trung bình cao. B. độ ẩm không khí cao.
C. sự phân mùa khí hậu. D. địa hình nhiều đồi núi.

Câu 69: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn ở khu vực Nam Bộ giảm nhanh trong những năm gần đây là

- A. phá rừng để lấy gỗ. B. thiên tai hạn hán. C. phá rừng để nuôi tôm. D. cháy rừng.

Câu 70: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA THÁI LAN VÀ IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2000 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	Thái Lan		In-đô-nê-xi-a	
	Tổng số dân	Số dân thành thị	Tổng số dân	Số dân thành thị
2000	62,9	19,8	211,5	88,6
2020	69,8	35,7	273,5	154,2

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ dân thành thị của Thái Lan và In-đô-nê-xi-a?

- A. In-đô-nê-xi-a thấp hơn và tăng nhanh hơn. B. Thái Lan cao hơn và tăng chậm hơn
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn và tăng chậm hơn. D. Thái Lan thấp hơn và tăng chậm hơn.

Câu 71: Hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc ở nước ta đã tạo ra

- A. thời tiết lạnh ẩm ở miền Bắc, mưa kéo dài cho Nam Trung Bộ.
B. thời tiết nắng ẩm ở miền Bắc, mùa khô cho Nam Bộ, Tây Nguyên.
C. mùa khô sâu sắc cho ven biển Trung Bộ, Nam Bộ, Tây Nguyên.
D. thời tiết lạnh khô ở miền Bắc, mùa khô cho Nam Bộ, Tây Nguyên.

Câu 72: Mật độ dân số nước ta có sự chênh lệch giữa các vùng chủ yếu do

- A. trình độ phát triển kinh tế, nhân tố tự nhiên.
B. diện tích lãnh thổ, cơ sở hạ tầng, vị trí địa lí.
C. địa hình, trình độ đô thị hóa, lịch sử định cư.
D. trình độ dân trí và mức sống dân cư, hạ tầng.

Câu 73: Ảnh hưởng lớn nhất của sự phân bố dân cư chưa hợp lí của nước ta là

- A. làm gia tăng các vấn đề về xã hội ở các vùng đông dân.
B. khó khăn cho giải quyết việc làm ở các vùng đông dân.
C. khai thác tài nguyên và sử dụng lao động chưa hợp lí.
D. gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên ở các vùng thưa dân.

Câu 74: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có nhiều địa hình cacxtơ do tác động chủ yếu của

- A. nhiệt độ cao, mưa nhiều trên địa hình núi đá vôi.
B. mưa lớn, tập trung theo mùa làm hòa tan đất đá.
C. vận động nội lực, sông suối chảy thường xuyên.
D. môi trường nóng ẩm làm ăn mòn bề mặt đất đá.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2020

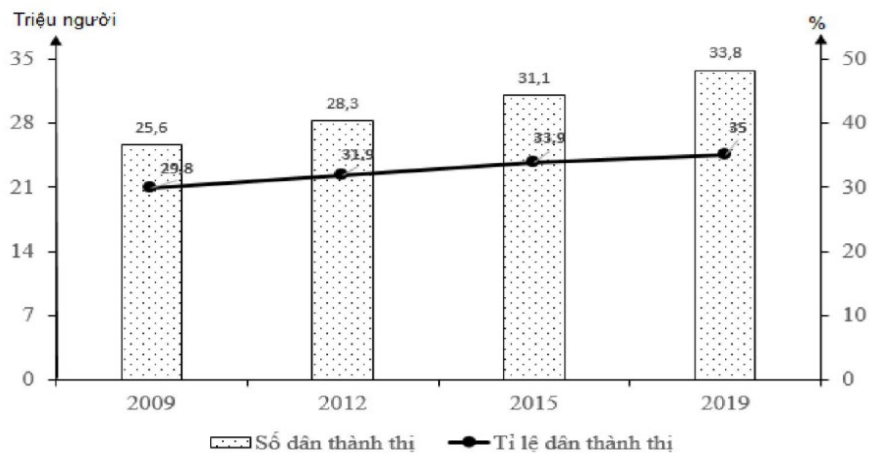
Tỉnh	Phú Thọ	Điện Biên	Lai Châu	Sơn La
Diện tích (Km^2)	3534,6	9541,3	9068,8	14123,5
Dân số (Nghìn người)	1481,9	613,5	469,8	1270,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô diện tích và dân số của một số tỉnh năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Cột. C. Tròn. D. Miền.

Câu 76: Cho biểu đồ về dân thành thị nước ta giai đoạn 2009 - 2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.
B. Số dân và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.
C. Thay đổi cơ cấu dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.
D. Quy mô, cơ cấu dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.
- Câu 77:** Khí hậu nước ta phân hóa đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của
- A. hình dáng lãnh thổ, hướng nghiêng địa hình, hướng núi và gió đông bắc.
B. hướng các dãy núi chính, độ cao địa hình, gió hướng tây nam, Tín phong.
C. vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, đặc điểm địa hình, Tín phong và gió mùa.
D. vĩ độ địa lí, Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, cấu trúc địa hình.

Câu 78: Sinh vật nước ta phong phú, đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư, sự phân hóa của địa hình, khí hậu và đất đai.
B. đất đai phong phú, tác động con người trong lai tạo giống và thay đổi sự phân bố.
C. địa hình phần lớn là đồi núi, vị trí giáp Biển Đông, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. vị trí ở trung tâm Đông Nam Á, tác động của con người, lịch sử khai thác lãnh thổ.

Câu 79: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ chịu tác động chủ yếu do

- A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới.
B. dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, bão, gió mùa tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.
C. gió mùa tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, gió Đông Bắc, bão, áp thấp nhiệt đới
D. áp thấp nhiệt đới, bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

Câu 80: Do nằm trong khu vực gió mùa châu Á nên Biển Đông có

- A. nhiệt độ nước biển và dòng biển thay đổi theo mùa, sóng biển mạnh vào mùa đông.
B. nền nhiệt độ cao, thềm lục địa nông, sóng biển mạnh vào thời kì gió mùa tây nam.
C. ẩm dồi dào, độ muối tương đối lớn, hoạt động của bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới.
D. nhiệt độ nước biển cao, nhiều ánh sáng, bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động mạnh.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng *Át lát Địa lí Việt Nam* do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.

- Không được sử dụng tài liệu, không trao đổi khi làm bài.

Phân đáp án câu trắc nghiệm:

Mã đề Câu	210	221	232	243	254	265	276	287
41	A	D	B	D	B	C	C	B
42	B	C	C	B	D	C	D	D
43	C	D	A	B	C	D	A	A
44	B	C	D	C	C	B	C	D
45	A	C	C	B	A	B	C	C
46	C	C	B	C	A	C	B	A
47	B	D	D	C	D	C	A	D
48	C	C	C	C	C	A	D	C
49	C	C	B	A	D	C	B	B
50	D	C	C	D	A	C	C	A
51	C	A	C	D	A	A	A	C
52	B	C	B	B	C	C	D	A
53	D	D	A	C	D	A	D	A
54	B	D	C	C	C	B	D	D
55	B	A	D	A	A	C	B	D
56	B	D	B	D	D	D	B	C
57	D	A	D	A	A	A	D	C
58	B	D	B	C	A	C	A	D
59	D	D	D	C	B	D	C	A
60	A	B	C	B	A	C	C	D
61	A	C	A	C	C	B	B	C
62	B	B	B	B	A	A	C	C
63	C	C	A	C	D	D	A	B
64	B	A	D	A	B	C	A	B
65	A	B	B	A	A	D	B	A
66	A	B	D	B	D	D	A	C
67	D	A	D	D	A	B	D	A
68	B	B	B	A	A	B	D	D
69	C	C	C	D	C	C	D	C
70	C	C	D	D	A	C	A	D
71	B	A	C	A	C	C	B	B
72	A	B	D	D	B	C	A	D
73	C	D	D	A	D	C	B	D
74	A	A	B	C	C	B	B	A
75	B	B	D	C	A	B	A	B
76	B	D	A	C	B	D	A	C
77	C	B	A	B	A	C	D	D
78	A	A	C	C	C	C	B	B
79	A	C	C	C	D	D	D	C
80	A	C	A	B	D	C	B	C